

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày: 24-8-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đáng
2. Ông Huỳnh Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-DS ngày 07/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Anh Ngô Văn H, sinh năm 1970 (vắng mặt)
 - Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1969 (có mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Văn H: Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1969; địa chỉ ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2020 (có mặt).

Bị đơn:

- Bà Hà Thị A, sinh năm 1953 (vắng mặt)
 - Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp Đ (nay là ấp Kh), xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Sơn Chí D, sinh năm 1984 (có đơn xin xử vắng mặt)
 - Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985 (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp Đ (nay là ấp Kh), xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị Ng trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào ngày 04/12/2018 âm lịch là ngày 09/01/2019 dương lịch, ông Ngô Văn H và bà Trần Thị Ng có cho bà Hà Thị A và anh Nguyễn Thành Đ vay số tiền 105.000.000 đồng, việc vay có làm biên nhận. Bà A và anh Đ vay làm vốn làm ăn, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, hứa thu hoạch tôm sẽ trả. Sau khi vay thì bà A nói bà vay dùm cho anh Sơn Chí D 10.000.000 đồng và cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 10.000.000 đồng nhưng bà Ng không đồng ý mà buộc bà A, anh Đ có trách nhiệm đóng lãi và trả vốn cho bà theo thỏa thuận.

Sau khi vay thì bà A có đóng lãi trên số tiền 20.000.000 đồng mà bà A nói vay dùm anh D, chị Th, còn tiền lãi của số tiền còn lại là 85.000.000 đồng thì bà và anh Đ không đóng mà hẹn trả sau. Nhiều lần bà A và anh Đ hẹn thu hoạch tôm sẽ trả đủ vốn và lãi nhưng nuôi tôm lỗ nên không đóng lãi và không trả vốn đến nay.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà A cho rằng vay dùm anh D trong số tiền 105.000.000 đồng thì anh D có đóng lãi và trả đủ vốn xong nên đã cản trừ.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà A cho rằng vay dùm chị Th trong số tiền 105.000.000 đồng thì chị Th có đóng lãi nhưng chưa trả vốn cho bà Ng, ông H nên không cản trừ. Vì vậy, vốn vay còn lại là 95.000.000 đồng nhiều lần bà Ng, ông H đòi lại vốn và lãi thì bà A và anh Đ chỉ hứa cho qua.

Do đó, bà Ng, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A và anh Đ phải trả số tiền vốn vay còn lại là 95.000.000 đồng và tiền lãi là 17.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 112.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa bà Ng xác nhận chị Th đã trả 10.000.000 đồng tiền vốn mà bà A vay dùm nên cản trừ vào tiền vốn vay 95.000.000 đồng. Do đó, bà Ng thay đổi yêu cầu buộc bà A, anh Đ trả cho bà và ông H số tiền vốn còn lại là 85.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay 04/12/2018 âm là ngày 09/01/2019 dương lịch đến ngày 09/7/2020 dương lịch là 18 tháng, mức lãi suất yêu cầu tính theo quy định pháp luật. Ngoài ra bà Ng, ông H không còn tranh chấp nào khác.

Bị đơn Hà Thị A vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Bị đơn Nguyễn Thành Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sơn Chí D, chị Nguyễn Thị Th vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương, có nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Hà Thị A và anh Nguyễn Thành Đ trả cho bà Trần Thị Ng, ông Ngô Văn H số tiền vốn vay là 85.000.000 đồng và chấp nhận thời gian tính lãi và mức lãi suất được tính theo quy định pháp luật. Đề nghị buộc bà A, anh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bà Hà Thị A, anh Nguyễn Thành Đ, chị Nguyễn Thị Th đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do và anh Sơn Chí D có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà A, anh Đ, anh D, chị Th theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bà Trần Thị Ng, ông Ngô Văn H khởi kiện bà Hà Thị A, anh Nguyễn Thành Đ yêu cầu trả tiền vay theo biên nhận. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về “*Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị N, ông Ngô Văn H yêu cầu bà Hà Thị A và anh Nguyễn Thành Đ trả số tiền vốn vay còn lại là 85.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/01/2019dl đến 09/7/2020dl là 18 tháng, mức lãi suất yêu cầu tính theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của bà Ng, ông H buộc bà A, anh Đ phải trả số tiền vay 85.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, bà Ng, ông H cung cấp biên nhận ngày 04/12/2018 âm lịch để chứng minh cho việc khởi kiện. Nội dung biên nhận thể hiện bà A, anh Đ có vay của bà Ng, ông H số tiền 105.000.000 đồng, chữ viết, chữ ký trong biên nhận được anh Đ thừa nhận do anh viết ra và anh Đ, bà A cùng ký tên vào biên nhận vay này.

Bà Ng khai trong số tiền vay 105.000.000 đồng thì bà A vay dùm cho anh Sơn Chí D, chị Nguyễn Thị Th mỗi người 10.000.000 đồng, hiện nay anh D, chị Th đã trả xong nên bà Ng cần trừ vào vốn vay 105.000.000 đồng, do đó số tiền vốn vay còn lại là 85.000.000 đồng. Sự việc bà A vay dùm anh D, chị Th mỗi người 10.000.000 đồng trong số tiền vốn vay này thì quá trình giải quyết bà A không hợp tác, không cung cấp ý kiến hay chứng cứ gì cho Tòa án; tuy nhiên sự việc được anh Đ xác nhận trong số tiền vay này bà A vay dùm người khác 20.000.000 đồng là đúng (bút lục số 24), đồng thời anh D, chị Th có lời khai xác nhận có nhờ bà A vay dùm là thật, hiện trả tiền cho bà Ng, ông H xong.

Do đó, xét việc vay dùm được các bên thừa nhận, bà Ng, ông H đồng ý cần trừ 20.000.000 đồng trong số tiền 105.000.000 đồng mà bà A, anh Đ vay là có lợi cho bà A, anh Đ nên số tiền vốn vay bà A, anh Đ còn nợ là 85.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét lời khai của anh Đ cho rằng trong biên nhận 04/12/2018 âm lịch mà anh viết vay 105.000.000 đồng là có tiền vốn nhập tiền lãi, trong đó vốn là 70.000.000 đồng, tiền lãi nhập vào 15.000.000 đồng, 20.000.000 đồng là vay dùm và đóng lãi nhiều lần khoảng 80.000.000 đồng nên anh Đ chỉ đồng ý cùng bà A trả tiền vốn là 70.000.000 đồng cho bà Ng, ông H. Hội đồng xét xử xem xét ý kiến trình bày của anh Đ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, lời khai của anh Đ không được bà Ng chấp nhận. Anh Đ không có chứng cứ chứng minh trong biên nhận ngày 04/12/2018 âm lịch là có tiền vốn nhập tiền lãi và không chứng minh được đã đóng tiền lãi cho bà Ng, ông H như lời anh Đ khai.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Trong vụ kiện này anh Đ phản đối yêu cầu của bà Ng, ông H nhưng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh cho sự phản đối đó, ngoài ra bà A nhận được thông báo thụ lý vụ án không có ý kiến, trình bày hay cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà. Do đó Hội đồng xét xử, xét yêu cầu của bà N, ông H buộc bà A, anh Đ trả tiền vay vốn và lãi là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét lời khai của anh D, chị Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Anh D, chị Th thừa nhận có nhờ bà A vay dùm, cho anh D 10.000.000 đồng, vay cho chị Th 10.000.000 đồng chứ không phải cho vay lại và sự việc được bà Ng chấp nhận là vay dùm và anh D, chị Th đã trực tiếp trả tiền vay cho bà Ng, ông H xong nên các bên không đặt ra tranh chấp. Hội đồng xét xử, xem xét việc các bên trình bày làm rõ tình tiết trong vụ án, không làm ảnh hưởng quyền lợi của bên nào. Anh D, chị Th không có tranh chấp gì khác nên không xét.

[7] Xét yêu cầu tính lãi, tính từ ngày 09/01/2019 đến ngày 09/7/2020 là 18 tháng và mức lãi suất yêu cầu tính theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Điều 468 của Bộ luật dân sự áp dụng mức lãi phù hợp là 1,25%/tháng và chấp nhận

thời gian tính lãi từ ngày 09/01/2019dl đến ngày 09/7/2020dl. Cụ thể tiền lãi là $85.000.000đ \times 1,25\% \times 548 \text{ ngày}/30 \text{ ngày} = 19.408.333 \text{ đồng}$.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trong vụ kiện này bà A sinh năm 1953 là người cao tuổi nhưng bà A không có đơn xin miễn án phí theo quy định nên buộc bà A, anh Đ phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 03 Điều 26; Điều 35, 39, 91, 147, khoản 2 Điều 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ng, ông Ngô Văn H.

Buộc bà Hà Thị A, anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Ng, ông Ngô Văn H số tiền là 104.408.333 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu bốn trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó, tiền vốn là 85.000.000 đồng và tiền lãi là 19.408.333 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Hà Thị A, anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ liên đới nộp 5.220.416 đồng (Năm triệu hai trăm hai mươi nghìn bốn trăm mười sáu đồng).

- Bà Trần Thị Ng, ông Ngô Văn H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Ng, ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005606 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa